

CHI TIẾT TUYỂN SINH THÁNG 4, THÁNG 10 NĂM 2022

HỌC VIỆN NHẬT NGỮ SAKURA KOTONOHA

〒532-0004 1-6-36-206 Nishimiyahara, quận Yodogawa,
thành phố Osaka, tỉnh Osaka

Số điện thoại **+81-6-6635-2310 (06-6150-5108)**

F A X **06-6150-5109**

I Khóa học tuyển sinh

Khóa học	Thời gian học
Khóa tiên học 2 năm	2 năm (nhập học tháng 4)
Khóa tiên học 1 năm 6 tháng	1 năm 6 tháng (nhập học tháng 10)

II Tư cách nhập học (Tư cách lưu trú trong trường hợp nhập học vào trường là tư cách “Du học”)

- 1 Đã tốt nghiệp PTTH hoặc bằng cấp tương đương.
- 2 Đã tốt nghiệp chương trình giáo dục từ 12 năm trở lên hoặc có quá trình học tương đương.
- 3 Người có ý thức học tập tiếng Nhật, thật thà, chăm chỉ.
- 4 Người có trình độ tiếng Nhật tương đương N5 của kỳ thi Năng lực Nhật ngữ (hoặc tương đương cấp 5 của NAT-TEST).
※Trong trường hợp không nộp được giấy chứng nhận thi đỗ: Về nguyên tắc, phải nộp giấy chứng nhận thời gian học tiếng Nhật 400~500 giờ (thời gian học tối thiểu là 150 giờ).
- 5 Người có thể chuẩn bị được kinh phí sau khi nhập học hoặc có người bảo lãnh tài chính, bảo lãnh nhân thân đáng tin cậy sẽ thay cho học viên trả các khoản chi phí sau khi học viên nhập cảnh.
- 6 Người đã được cho phép hoặc tạm thời cho phép vào nước Nhật bởi những thủ tục đúng pháp luật.

III HỒ SƠ NỘP

◆ Các điểm chú ý:

- 1 Về hồ sơ nộp, học viên, người bảo lãnh phải tự viết, ký tên và không điền thiếu sót thông tin.
- 2 Không được chỉnh sửa hay sử dụng bút xóa. Trong trường hợp viết sai thì phải viết vào tờ giấy mới.
- 3 Toàn bộ những giấy tờ khác ngoài tiếng Nhật thì phải đính kèm bản dịch sang tiếng Nhật có ghi họ tên người dịch được viết trên tờ giấy chứng nhận dịch thuật hoặc giấy tờ tương đương.
- 4 Giấy tờ dưới đây có thể thay đổi tùy theo quốc tịch của người nộp đơn.
- 5 Ngoài ra, tùy trường hợp thấy cần thiết mà phía nhà trường sẽ yêu cầu nộp một số giấy tờ khác.
(※Chế độ học viên đặc biệt: Những bạn nào có nguyện vọng, vui lòng liên hệ riêng!)

◆ Giấy tờ liên quan đến học viên

Các loại giấy tờ		Tham khảo
①	Đơn nhập học	Học viên tự ký vào đơn ※ Về “Lý do du học”, vui lòng ghi rõ lý do du học, mục đích chọn tiếng Nhật và định hướng tương lai sau khi tốt nghiệp. ※ Những bạn nào đã từng đến Nhật với tư cách thực tập sinh kỹ năng (thực tập) thì đính kèm giấy tờ giải thích tình hình sau khi về nước.
②	Giấy cam kết	Học viên và người bảo lãnh tự ghi, ký tên.
③	Giấy chứng nhận tốt nghiệp trường cuối cùng (Hay giấy chứng nhận tốt nghiệp tạm thời)	Bản gốc Chú ý 1
④	Giấy chứng nhận thành tích học tập bậc học cuối cùng	Bản gốc Tham khảo chú ý 2
⑤	Giấy chứng nhận đang học, bằng thành tích học tập (Những bạn hiện tại vẫn còn đang theo học)	Bản gốc
⑥	Vui lòng nộp giấy tờ chứng minh quá trình học tiếng Nhật như sau: (1) Giấy chứng nhận kỳ thi năng lực Nhật ngữ và bảng điểm (2) Giấy chứng nhận NAT-TEST và bảng điểm (3) Giấy chứng nhận J-TEST và bảng điểm (4) Bản gốc giấy chứng nhận của cơ sở giáo dục tiếng Nhật.	Nếu được thì cố gắng thi (1)(2). Tham khảo Chú ý 3 • 4 dưới đây
⑦	Bản sao hộ chiếu	Trường hợp có hộ chiếu (Phô-tô trang thông tin cá nhân, trang có ghi lại quá trình xuất nhập cảnh)
⑧	8 ảnh (4cmx3cm)	Không sử dụng được ảnh chụp bằng máy ảnh kỹ thuật số. Ảnh chụp trong vòng 3 tháng trở lại.
⑨	Ngoài ra: Những giấy tờ mà Nhà trường cần	

Chú ý 1	<p>① Đối với người Việt Nam: Về bằng tốt nghiệp, vui lòng nộp “Chứng nhận VN-NARIC” là giấy chứng nhận văn bằng do cơ sở giáo dục Việt Nam cấp.</p> <p>② Đối với những bạn không phải người Việt Nam, vui lòng thông báo nơi liên lạc, cơ quan phát hành giấy tờ công chứng (số điện thoại đăng ký hay trang Web nhà nước).</p>
Chú ý 2	<p>◆ Về giấy chứng nhận học vấn ◆ Đối với người Trung Quốc, vui lòng lấy giấy chứng nhận như sau: A. Những bạn đã tốt nghiệp đại học (1) Giấy chứng nhận bằng tốt nghiệp (Là giấy được phát hành Trung tâm phát triển giáo dục nghiên cứu sinh được Bộ giáo dục cấp) B. Người tốt nghiệp trường PTTH bình thường (Giấy chứng nhận bằng tốt nghiệp là giấy được phát hành Trung tâm phát triển giáo dục nghiên cứu sinh được Bộ giáo dục cấp) (1) Bảng điểm trong kỳ thi nhập học đại học (cao khảo). (2) Giấy chứng nhận đỗ vào kỳ thi thống nhất (hội khảo) PTTH (3) Giấy chứng nhận bằng điểm kỳ thi thống nhất (hội khảo) PTTH</p> <p>Về giấy A/B/C trên, vui lòng đăng ký sao cho không phải “Cơ quan chứng nhận→ Người nộp đơn→ Trường” mà là trực tiếp từ “Cơ quan chứng nhận→Trường”</p>
Chú ý 3	<p>Về nguyên tắc, vui lòng nộp giấy chứng nhận đỗ và bảng điểm. Trong trường hợp là bản sao phiếu dự thi hay bản sao cứng giao diện trên internet có liên quan đến kết quả, cũng có trường hợp không được công nhận là văn bản chứng thực năng lực Nhật ngữ. Khi nộp đơn hay xin tư cách cư trú mà chưa có kết quả thì vui lòng nhanh chóng nộp phiếu dự thi (bản sao).</p>
Chú ý 4	<p>※Về giấy chứng nhận học tập tiếng Nhật, vui lòng nộp giấy có ghi rõ địa chỉ, thông tin liên lạc của cơ quan giáo dục, thời gian học tập cụ thể một cách cụ thể, thời gian học trong tuần, thời gian học trong ngày, ngày nghỉ bao gồm cả ngày lễ (Trong trường hợp trường nghỉ vào ngày lễ, ngày tháng cũng ghi rõ ràng, cụ thể). ※Trong trường hợp học từ xa, vui lòng giải thích cụ thể phương pháp giáo dục. Cũng có trường hợp không được đánh giá giáo dục từ xa).</p>

◆ Giấy tờ của người bảo lãnh

Tùy người bảo lãnh mà giấy tờ nộp khác nhau.

1. Giấy tờ của đương sự hay bố mẹ, người thân là người bảo lãnh (sống ở ngoài nước Nhật)	
① Giấy bảo lãnh tài chính	Bản gốc
② Giấy chứng nhận số dư tài khoản của người bảo lãnh	Bản gốc
③ Trong trường hợp là nhân viên công ty : Giấy chứng nhận làm việc Trong trường hợp là chủ công ty: Bản đăng ký doanh nghiệp Trong trường hợp tự kinh doanh: Bản sao giấy phép kinh doanh	<p>Thông tin đặc định của người bảo lãnh (Họ tên, ngày tháng năm sinh, giới tính, địa chỉ, số CMND...) và ngày vào công ty, số năm làm việc, bộ phận làm việc, vị trí hiện tại, thông tin liên lạc của công ty.... ※Đối với người Việt Nam, trong trường hợp được miễn đăng ký kinh doanh hoặc được miễn thuế thì vui lòng nộp giấy giải trình rõ ràng về pháp lệnh quy định. ※Trong trường hợp là nhân viên công ty ở Trung Quốc, vui lòng nộp copy cả bản chính và bản phụ về giấy phép kinh doanh nơi làm việc. ※Trong trường hợp thông tin liên lạc của cơ quan phát hành không được ghi, vui lòng thông báo thông tin liên lạc công khai như số điện thoại đăng ký, trang web...)</p>
④ Giấy chứng nhận thu nhập của người bảo lãnh (3 năm gần đây)	Bản chính Giấy có ghi rõ thu nhập hoặc khoản tiền kiếm được.
⑤ Giấy chứng nhận đóng thuế (3 năm gần đây)	Bản chính Là giấy tờ có ghi rõ thu nhập hoặc khoản tiền kiếm được và số tiền thuế nộp ※Trong trường hợp miễn thuế, vui lòng nộp “Giấy chứng nhận miễn thuế”, giấy giải trình rõ ràng về pháp lệnh quy định miễn thuế.
⑥ Giấy tờ chứng nhận mối quan hệ giữa ứng viên và người bảo lãnh (Trong trường hợp người bảo lãnh không phải là ứng viên)	Giấy công chứng mối quan hệ ruột thịt, giấy khai sinh.... ※Trong trường hợp có người thân ở Nhật, vui lòng cố gắng nộp phôt-tô thẻ ngoại kiều, bản sao giấy tờ nộp khi xin tư cách cư trú của người thân đó.

⑦ Giấy hình thành tài sản	Bản sao sổ tiết kiệm ngân hàng Bản sao sổ tiết kiệm có ghi lại quá trình giao dịch. ※Trong trường hợp không nộp được bản sao sổ tiết kiệm ngân hàng, vui lòng trình giấy tờ ghi rõ số tiền thu nhập, tiền thuế, tiền chi tiêu (Tiền ăn uống, điện nước ga, học phí, phí y tế, phí giao lưu...) số tiền tích lũy.
⑧ Bản sao nhân khẩu cư trú (chỉ Trung Quốc)	Tất cả người trong sổ
⑨ Bản cam kết	※Đương sự, giống như mục ②Cần phải tự viết tay
⑩ Những giấy tờ cần thiết khác mà Nhà trường yêu cầu	

2. Trong trường hợp người bảo lãnh tài chính ở Nhật chi trả kinh phí	
① Giấy bảo lãnh tài chính	Bản chính
② Giấy chứng minh số dư ngân hàng	Bản chính
③ Trong trường hợp là nhân viên công ty: Giấy chứng nhận làm việc Trong trường hợp là chủ công ty: Bản đăng ký doanh nghiệp Trong trường hợp tự kinh doanh: Bản sao khai báo thuế của doanh nghiệp	Thông tin cá nhân của người bảo lãnh tài chính (tên, ngày tháng năm sinh, giới tính, địa chỉ, số CMND...) và ngày vào công ty làm, số năm làm việc, bộ phận làm việc, những giấy tờ để biết thông tin liên lạc của công ty...
④ Giấy chứng nhận thu nhập của người bảo lãnh (3 năm gần đây)	“Giấy chứng nhận tiền thuế phải đóng” hay “Giấy chứng nhận nộp thuế”
⑤ Thẻ cư trú hoặc giấy chứng nhận đăng ký bản gốc	Toàn bộ người trong hộ khẩu
⑥ Các tài liệu xác nhận mối quan hệ giữa người nộp đơn và người hỗ trợ tài chính	Bản sao sổ hộ khẩu, giấy chứng nhận quan hệ họ hàng, giấy chứng nhận quan hệ đã đăng ký...
⑦ Giấy tờ chứng minh quá trình hình thành tài sản	Bản sao sổ ngân hàng
⑧ Bản cam kết	※Ứng viên, người bảo lãnh tự viết và kí tên
⑨ Giấy tờ khác mà trường yêu cầu	

IV Nơi nộp hồ sơ đăng ký / Thông tin liên hệ

Văn phòng thủ tục nhập học Học viện Nhật ngữ SAKURA KOTONOHA
(Trụ sở Công ty cổ phần Văn phòng Tư vấn Yanagi)

〒581-0013

Abeno Berta 3009, 3-10-1 Abeno, Abeno Ward, Osaka City

Tel +81-6-6635-2310 FAX 06-6643-8201 E-mail info@sakura-kotonoha.co.jp
(06-6635-2310)

Skype live:.cid.1a34d311431f5d8b

(Thắc mắc liên quan đến vấn đề học tập Học viện Nhật ngữ SAKURA KOTONOHA

〒532-0004 Room206, 1-6-36, Nishimiyahara, quận Yodogawa, thành phố Osaka, tỉnh Osaka

Tel +81- 6-6150-5108 FAX 06-6150-5109 E-mail info@sakura-kotonoha.co.jp
(06-6150-5108)

V Thủ tục từ khi ứng tuyển đến khi nhập cảnh.

	Nhập học tháng 4 năm 2022	Nhập học tháng 10 năm 2022
Thời gian thực hiện tuyển sinh phòng vấn đợt 1	Đến hạ tuần tháng 9/2021	Đến hạ tuần tháng 3/2022
(1) Thời hạn nộp hồ sơ xin tư cách lưu trú	Cuối tháng 10/2021	Khoảng tháng 4/2022
(2) Nộp giấy tờ lên cục xuất nhập cảnh	Khoảng trung tuần tháng 12/2021	Khoảng 20/6/2022
(3) Cấp giấy chứng nhận tư cách lưu trú	Khoảng 21/2/2022	Khoảng 31/8/2022
(4) Thời gian nộp học phí và phí ký túc xá	Khoảng 28/2/2022	Khoảng 5/9/2022
(5) Xin visa	Khoảng 5/3/2022	Khoảng 10/9/2022
(6) Nhận visa	Khoảng 20/3/2022	Khoảng 20/9/2022
(7) Nhập cảnh vào Nhật Bản	Khoảng 27 hoặc 28/3/2022	Tháng 10/2022

※ Trường hợp đã quá thời hạn tuyển sinh, phòng vấn đợt 1, vui lòng trao đổi với nhà trường. Việc tiến hành phòng vấn đợt 2 cũng có thể được tổ chức.

※ Về lịch trình, hãy xác nhận trước với trường vì lịch trình có thể thay đổi.

◆ Quy trình từ đăng ký nguyện vọng đến nhập học

Bước 1 Đăng ký ứng tuyển	Người có nguyện vọng nộp đơn xin vui lòng liên lạc với Học viện Nhật ngữ Sakura Kotonoha trong thời gian xét tuyển ※ Khi đăng ký ứng tuyển xin vui lòng nộp đơn xin nhập học, kết quả học tập của bậc học cao nhất. ※ Trường hợp quá thời hạn tuyển sinh xin vui lòng trao đổi với nhà trường
Bước 2 Phòng vấn	Tiến hành phỏng vấn ứng viên và người bảo lãnh tài chính Trường hợp có khó khăn trong việc phỏng vấn người bảo lãnh tài chính thì tiến hành các phương thức thay thế như phỏng vấn qua điện thoại. Ngoài ra khi xét tuyển nhà trường có thể yêu cầu các giấy tờ khác.
Bước 3 Nộp hồ sơ và lệ phí xét hồ sơ	Gửi tất cả giấy tờ cần thiết trước thời hạn nộp hồ sơ của Học viện Nhật ngữ. Ngoài ra, chuyển phí dự thi vào tài khoản được chỉ định trước thời hạn quy định. Tuy nhiên, trong thời gian áp dụng chế độ học bổng đặc biệt mùa corona thì không cần chuyển lệ phí xét tuyển hồ sơ.
Bước 4 Xét tuyển hồ sơ	Sau khi nhận hồ sơ, nhà trường sẽ tiến hành đánh giá sàng lọc và lựa chọn hồ sơ. Nhà trường sẽ cấp "Giấy mời nhập học" và nộp hồ sơ cho cục xuất nhập cảnh.
Bước 5 Xét hồ sơ bởi Cục quản lý xuất nhập cảnh Nhận giấy chứng nhận tư cách lưu trú	Cục quản lý xuất nhập cảnh sẽ cấp "Giấy chứng nhận tư cách lưu trú" sau khi kiểm tra các giấy tờ.
Bước 6 Nộp học phí Gửi Giấy chứng nhận tư cách lưu trú, Giấy mời nhập học (Giấy chứng nhận học bổng cho người dành được học bổng), ...	Trường sẽ thông báo cho ứng viên đã được cấp "Giấy chứng nhận tư cách lưu trú". Ứng viên (hoặc cơ quan) phải nộp phí nhập học, học phí, phí cơ sở vật chất, phí tổ chức sự kiện, ... vào tài khoản ngân hàng do trường chỉ định. Sau khi xác nhận thanh toán, trường sẽ gửi "Giấy chứng nhận đủ tư cách lưu trú COE", "Giấy cho phép nhập học" và "Lịch trình nhập học" và các loại tài liệu hướng dẫn.
Bước 7 Xin visa Nhận Visa Giấy đăng ký ký túc xá, bản cam kết. xác định ngày nhập cảnh và đặt vé máy bay.	Học viên hãy điền vào đơn đăng ký ký túc xá, bản cam kết và các bảng khảo sát khác rồi nhanh chóng gửi lại qua thư điện tử hoặc các phương tiện khác. Sau khi xin visa tại đại sứ quán và có visa, hãy liên hệ ngay với nhà trường để nhà trường đặt vé máy bay. Vui lòng nhập cảnh vào ngày do trường chỉ định.
Bước 8 Nhập cảnh vào Nhật Bản	
Bước 9 Nhập học Học viện Nhật ngữ SAKURA KOTONOHA	Khai giảng và bắt đầu lớp học !

VI Học phí

Khóa học 2 năm

VD Nộp 1 năm	Khi nhập học (nộp 1 năm)	Năm còn lại (nộp 1 năm)	Tổng
Phí xét tuyển	22.000 yen		22.000 yen
Phí nhập học	33.000 yen		33.000 yen
Học phí	633.600 yen	633.600 yen	1.267.200 yen
Phí cơ sở vật chất	79.200 yen	79.200 yen	158.400 yen
Giáo trình	44.000 yen		44.000 yen
Phí hoạt động	79.200 yen		79.200 yen
Phí bảo hiểm	22.000 yen		22.000 yen
Tổng	913.000 yen	712.800 yen	1.625.800 yen

VD Nộp 6 tháng	Khi nhập học (6 tháng)	Nộp 6 tháng tiếp	Nộp 6 tháng tiếp	Nộp 6 tháng còn lại	Tổng
Phí xét tuyển	22.000 yen				22.000 yen
Phí nhập học	33.000 yen				33.000 yen
Học phí	316.800 yen	316.800 yen	316.800 yen	316.800 yen	1.267.200 yen
Phí cơ sở vật chất	39.600 yen	39.600 yen	39.600 yen	39.600 yen	158.400 yen
Giáo trình	44.000 yen				44.000 yen
Phí hoạt động	79.200 yen				79.200 yen
Bảo hiểm	22.000 yen				22.000 yen
Tổng	556.600 yen	356.400 yen	356.400 yen	356.400 yen	1.625.800 yen

Khóa học 1 năm 6 tháng

VD Nộp 1 năm	Khi nhập học (nộp 1 năm)	Nộp 6 tháng còn lại	Tổng
Phí xét tuyển	22.000 yen		22.000 yen
Phí nhập học	33.000 yen		33.000 yen
Học phí	633.600 yen	316.800 yen	950.400 yen
Phí cơ sở vật chất	79.200 yen	39.600 yen	118.800 yen
Giáo trình	33.000 yen		33.000 yen
Phí hoạt động	59.400 yen		59.400 yen
Bảo hiểm	22.000 yen		22.000 yen
Tổng	882.200 yen	356.400 yen	1.238.600 yen

VD Nộp 6 tháng	Khi nhập học (nộp 6 tháng đầu)	Nộp 6 tháng tiếp	Nộp 6 tháng còn lại	Tổng
Phí xét tuyển	22.000 yen			22.000 yen
Phí nhập học	33.000 yen			33.000 yen
Học phí	316.800 yen	316.800 yen	316.800 yen	950.400 yen
Phí cơ sở vật chất	39.600 yen	39.600 yen	39.600 yen	118.800 yen
Giáo trình	33.000 yen			33.000 yen
Phí hoạt động	59.400 yen			59.400 yen
Bảo hiểm	22.000 yen			22.000 yen
Tổng	525.800 yen	356.400 yen	356.400 yen	1.238.600 yen

◆ Lưu ý

- ※ Số tiền trên đã bao gồm thuế tiêu thụ 10%.
- ※ Phí dịch thuật có thể được tính riêng.
- ※ Ngoài những khoản trên, có thể phát sinh thêm khoản phí nhỏ cho một số sự kiện.
- ※ Học phí và các khoản phí khác được liệt kê ở trên áp dụng cho sinh viên nhập học tháng 4 và tháng 10 năm 2022, và có thể thay đổi sau đó.
- ※ Về phí bảo hiểm, do mua của công ty bên ngoài nên nếu công ty đó thay đổi số mức phí thì có thể sẽ thay đổi theo.
- ※ Về phí tài liệu học tập, khi có thay đổi giáo trình hay có thay đổi giá của nhà xuất bản thì phí tài liệu giảng dạy có thể được yêu cầu đóng thêm.
- ※ Ngoài ra, khi dự thi các kỳ thi bên ngoài thì học viên phải tự chi phí phát sinh.

Quy định hoàn trả học phí (theo hướng dẫn của Hiệp hội Xúc tiến Giáo dục Tiếng Nhật Bản)

Trường hợp đã được cấp Giấy chứng nhận tư cách lưu trú nhưng không xin visa và không đến Nhật Bản, không tham gia lớp học trực tuyến

Điều kiện: Trả lại giấy phép nhập học và Giấy chứng nhận tư cách lưu trú

Hoàn lại: Hoàn lại tất cả các khoản thanh toán

Trường hợp đã tiến hành xin visa tại cơ quan đại diện ngoại giao ở nước ngoài nhưng không được chấp nhận, không thể đến Nhật Bản và đã không tham gia lớp học trực tuyến.

Điều kiện: Trả lại Giấy phép nhập học và Giấy tờ chứng minh đã không được cấp thị thực tại cơ quan đại diện ngoại giao.

Hoàn lại: Hoàn lại tất cả các khoản thanh toán

Trường hợp đã xin được visa nhưng từ chối nhập học trước khi đến Nhật Bản và đã không tham gia lớp học trực tuyến

Điều kiện: Trả lại Giấy phép nhập học và Thị thực. Thị thực chưa được sử dụng và có thể kiểm tra đã vô hiệu hóa.

Hoàn lại: Hoàn trả tất cả các khoản thanh toán không bao gồm phí xét tuyển.

Trường hợp du học sinh đã có visa và nhập cảnh vào Nhật Bản, bỏ học mà không có lý do chính đáng

Hoàn lại: Về nguyên tắc, tất cả các khoản thanh toán sẽ không được hoàn lại.

Trường hợp không nhập học sau khi đến Nhật Bản

Hoàn lại: Không hoàn lại tất cả các khoản thanh toán

Trường hợp bỏ học trong vòng 6 tháng sau khi đến Nhật Bản ※ 1

Hoàn lại: Không hoàn lại tất cả các khoản thanh toán

Trường hợp học sinh đã có visa và nhập cảnh vào Nhật Bản trên 6 tháng mà bỏ học vì lý do chính đáng

Điều kiện: Trừ 6 tháng đầu tiên nhập học, nếu nộp Đơn xin thôi học ※2 vào cuối học kỳ, hiệu trưởng đồng ý cho nghỉ học và công nhận đủ điều kiện để được hoàn lại học phí. (Ví dụ: bị bệnh hoặc bị thương buộc phải về nước / Tiếp tục ở lại đi học nhưng nếu trường xác định rằng việc đó sẽ ảnh hưởng xấu đến các sinh viên khác).

Hoàn lại: Sau khi xác nhận đã về nước, học phí còn lại cho học kỳ sau đó sẽ được hoàn trả theo đơn vị học kỳ (3 tháng), không bao gồm phí nhập học và các khoản thanh toán khác.

Trường hợp học viên đã có visa và nhập cảnh vào Nhật Bản, bỏ học mà không có lý do chính đáng.

(Ví dụ: thay đổi tư cách cư trú do thay đổi do chuyển trường khác, học lên cao, kết hôn, v.v., hoặc trường hợp vi phạm pháp luật và quy định của trường bị buộc thôi học).

Hoàn lại: Về nguyên tắc, tất cả các khoản thanh toán sẽ không được hoàn lại.

Trường hợp du học sinh đã có visa và nhập cảnh vào Nhật Bản, sau đó không thể gia hạn thêm thời gian lưu trú (khi Cục quản lý xuất nhập cảnh không cho phép)

Hoàn lại tiền: Không hoàn lại tất cả các khoản thanh toán

Trường hợp lớp học bị hủy do gặp những vấn đề không thể tránh khỏi như thiên tai, tai nạn, bệnh truyền nhiễm

Hoàn lại: trường sẽ miễn trách nhiệm và không hoàn lại tất cả các khoản thanh toán.

※ Lệ phí xét tuyển sẽ không được hoàn trả với bất kỳ lý do gì.

※ Trường hợp đang tham gia chương trình đào tạo trực tuyến của trường, dù chưa nhập quốc, chưa nhận được thị thực hay bất kỳ lý do nào cũng được coi như đã tới Nhật, là học sinh của trường và các quy định khác được áp dụng tương đương. Do đó, ngay cả khi bạn chưa nhập cảnh vào Nhật Bản, chúng tôi sẽ không hoàn lại phí cơ sở vật chất và phí hoạt động ngoại khóa.

(Vui lòng hiểu rằng những tổn thất này được coi là một phần trong học bổng mùa corona.)

※ Phí chuyển tiền sẽ do người nộp đơn chịu.

※ Các hoạt động ngoại khóa được thực hiện như một phần của chương trình học, vì vậy ngay cả khi bạn không tham gia vì lý do cá nhân, phí hoạt động sẽ không được hoàn lại.

※ 1 Trường hợp bỏ học trong vòng 6 tháng sau khi nhập học, học phí sẽ không được hoàn trả.

※ 2 Chỉ áp dụng đối với trường hợp nộp đơn xin thôi học và chấp nhận vào cuối học kỳ. (Nếu không nộp đơn xin thôi học, sẽ

V Chương trình đặc biệt và chế độ học bổng.

Học viên có nguyện vọng ứng tuyển các các học bổng và chương trình học bổng khác nhau, vui lòng cho chúng tôi biết.

1. Hỗ trợ đặc biệt mùa COVID chỉ riêng cho học viên tháng 4 năm 2022.

Khóa học 2 năm (chỉ dành cho học viên tháng 4 năm 2022)

Đối tượng: Tất cả học viên

- Miễn 30% học phí, miễn phí xét tuyển (tổng cộng 402.160 yên)
- Miễn phí phí đầu vào ký túc.
※ Trường sẽ hỗ trợ lắp đặt điều hòa, tủ lạnh, máy giặt, bộ đồ ăn, đường truyền Wifi,...
- Chi phí vé máy bay đến Nhật (miễn phí) ※Do trường đặt vé.
- Dịch vụ đón miễn phí khi đến Nhật Bản.

VD Nộp 1 năm	Khi nhập học (nộp 1 năm)	Nộp 1 năm còn lại	Tổng
Phí xét tuyển	0 yen		0 yen
Phí nhập học	33.000 yen		33.000 yen
Học phí	443.520 yen	443.520 yen	887.040 yen
Phí cơ sở vật chất	79.200 yen	79.200 yen	158.400 yen
Giáo trình	44.000 yen		44.000 yen
Phí hoạt động	79.200 yen		79.200 yen
Bảo hiểm	22.000 yen		22.000 yen
Tổng	700.920 yen	522.720 yen	1.223.640 yen

VD Nộp 6 tháng	Khi nhập học (6 tháng đầu)	Nộp 6 tháng tiếp	Nộp 6 tháng tiếp	Nộp 6 tháng còn lại	Tổng
Phí xét tuyển	0 yen				0 yen
Phí nhập học	33.000 yen				33.000 yen
Học phí	221.760 yen	221.760 yen	221.760 yen	221.760 yen	887.040 yen
Phí cơ sở vật chất	39.600 yen	39.600 yen	39.600 yen	39.600 yen	158,400 yen
Giáo trình	44.000 yen				44,000 yen
Phí hoạt động	79.200 yen				79,200 yen
Bảo hiểm	22.000 yen				22,000 yen
Tổng	439.560 yen	261.360 yen	261.360 yen	261.360 yen	1.223.640 yen

2. Hỗ trợ đặc biệt mùa COVID dành riêng cho học viên tháng 10 năm 2022.

Khóa học 1 năm 6 tháng (chỉ dành cho học viên tháng 10 năm 2022)

Đối tượng : Tất cả học viên

- Miễn 30% học phí, miễn phí xét tuyển (tổng cộng 307.120 yen)
- Miễn tiền đầu vào ký túc.
 - ※ Trường sẽ hỗ trợ lắp đặt điều hòa, tủ lạnh, máy giặt, bộ đồ ăn, đường truyền Wifi,...
- Chi phí vé máy bay đến Nhật (miễn phí) ※ Do trường đặt vé.
- Dịch vụ đón miễn phí khi đến Nhật Bản.

VD Nộp 1 năm	Khi nhập học (nộp 1 năm)	Nộp 6 tháng còn lại	Tổng
Phí xét tuyển	0 yen		0 yen
Phí nhập học	33.000 yen		33.000 yen
Học phí	443.520 yen	221.760 yen	665.280 yen
Phí cơ sở vật chất	79.200 yen	39.600 yen	118.800 yen
Giáo trình	33.000 yen		33.000 yen
Phí hoạt động	59.400 yen		59.400 yen
Bảo hiểm	22.000 yen		22.000 yen
Tổng	670.120 yen	261.360 yen	931.480 yen

VD Nộp 6 tháng	Khi nhập học (nộp 6 tháng đầu)	Nộp 6 tháng tiếp	Nộp 6 tháng còn lại	Tổng
Phí xét tuyển	0 yen			0 yen
Phí nhập học	33.000 yen			33.000 yen
Học phí	221.760 yen	221.760 yen	221.760 yen	665.280 yen
Phí cơ sở vật chất	39.600 yen	39.600 yen	39.600 yen	118.800 yen
Giáo trình	33.000 yen			33.000 yen
Phí hoạt động	59.400 yen			59.400 yen
Bảo hiểm	22.000 yen			22.000 yen
Tổng	408.760 yen	261.360 yen	261.360 yen	931.480 yen

3. Chế độ học bổng học sinh đặc biệt

- (1) Ứng viên đáp ứng được các điều kiện thì người đó sẽ được chấp nhận áp dụng chế độ học bổng học sinh đặc biệt.
- (2) Đối với học viên được nhận học bổng học sinh đặc biệt, sau khi áp dụng chế độ học bổng nếu tỷ lệ chuyên cần giảm còn 89% trở xuống sẽ phải nộp phần học phí được miễn từ tháng có tỷ lệ chuyên cần giảm còn 89% trở xuống.
Trường hợp học sinh nhận chế độ học bổng học sinh đặc biệt không thể tốt nghiệp tại trường sẽ bị tính toàn bộ số tiền từ thời điểm nhập học.
- (3) Việc sử dụng kết hợp chế độ học bổng đặc biệt và các chế độ học bổng khác có thể được phê duyệt bởi hiệu trưởng hoặc giám đốc học viện. Tuy nhiên, nội dung của các quyền lợi trong trường hợp kết hợp có thể được xác định riêng biệt.

【Học bổng loại A】

Đối tượng : Những ứng viên đáp ứng tất cả các điều kiện ①~④ dưới đây:

- ① Những ứng viên có mong muốn học tiếp lên một trường đại học hoặc cao học của Nhật Bản và nỗ lực học tập hết mình tại trường.
- ② Ứng viên đã đỗ một trong các kỳ thi sau tại thời điểm nộp đơn:
 - Kỳ thi năng lực tiếng Nhật (JLPT) N1
 - Chuẩn B trở lên của kỳ thi J.TEST cấp độ A-C
 - NAT-TEST 1Kyu
 - Kỳ thi du học Nhật Bản môn tiếng Nhật 330 điểm trở lên (không bao gồm điểm viết)
 - TOEIC890 điểm/ TOEFL 100 điểm/ IELTS 7.5 điểm trở lên (không áp dụng với đối tượng tiếng anh là tiếng mẹ đẻ hoặc được sử dụng trong hành chính công)
 - Những người có bằng đại học trong top 100 trong bảng xếp hạng đại học thế giới (THE World University Rankings) / Times.
- ③ Những ứng viên mà ban xét tuyển công nhận là trúng tuyển trong kỳ tuyển chọn đầu vào của trường.
- ④ Những ứng viên dự kiến nhập học với tư cách lưu trú du học.

Thời gian đăng kí: Tại thời điểm nhập học.

Đã nộp : Miễn 33.000 yên phí nhập học, miễn toàn bộ học phí.

【Học bổng loại B】

Đối tượng : Những ứng viên đáp ứng tất cả các điều kiện ①~⑤ dưới đây:

- ① Những học viên có mong muốn học tiếp lên một trường đại học hoặc cao học của Nhật Bản và nỗ lực học tập hết mình tại trường.
- ② Ứng viên đã đỗ một trong các kỳ thi sau tại thời điểm nộp đơn:
 - Kỳ thi năng lực tiếng Nhật (JLPT) N2
 - Trình độ C trở lên của kỳ thi J.TEST cấp độ A-C
 - NAT-TEST 2Kyu
 - Kỳ thi du học Nhật Bản môn tiếng Nhật 300 điểm trở lên (không bao gồm điểm viết)
 - TOEIC750 điểm/ TOEFL 85 điểm/ IELTS 6.0 điểm trở lên (không áp dụng với đối tượng tiếng anh là tiếng mẹ đẻ hoặc được sử dụng trong hành chính)
 - Những người có bằng đại học trong top 300 trong Bảng xếp hạng Đại học Thế giới (THE World University Rankings) / Times.
- ③ Những ứng viên mà ban xét tuyển công nhận là trúng tuyển trong kỳ tuyển chọn đầu vào của trường chúng tôi.
- ④ Những ứng viên dự kiến nhập học với tư cách lưu trú du học.
- ⑤ Những ứng viên có người bảo lãnh tài chính hoàn toàn có thể trả học phí dự kiến của nhà trường.

Thời gian đăng kí: Tại thời điểm nhập học

Đã nộp : Miễn 33.000 yên phí nhập học, miễn một nửa học phí.

【Học bổng loại C】

Đối tượng : Những ứng viên đáp ứng tất cả các điều kiện ①~⑤ dưới đây:

- ① Những ứng viên có mong muốn học tiếp lên một trường đại học hoặc cao học của Nhật Bản và nỗ lực học tập hết mình tại trường.
- ② Ứng viên đã đỗ một trong các kỳ thi sau tại thời điểm nộp đơn:
 - Kỳ thi năng lực tiếng Nhật (JLPT) N3
 - J-TEST D Kyu
 - NAT-TEST 3 Kyu
- ③ Những ứng viên mà ban xét tuyển công nhận là trúng tuyển trong kỳ tuyển chọn đầu vào của trường chúng tôi.
- ④ Những ứng viên dự kiến nhập học với tư cách lưu trú du học.
- ⑤ Những ứng viên có người bảo lãnh tài chính hoàn toàn có thể trả học phí dự kiến của nhà trường.

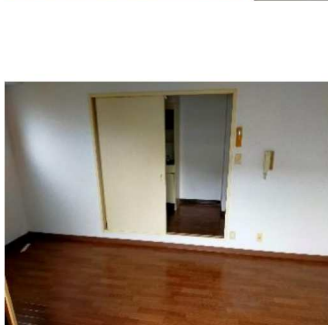
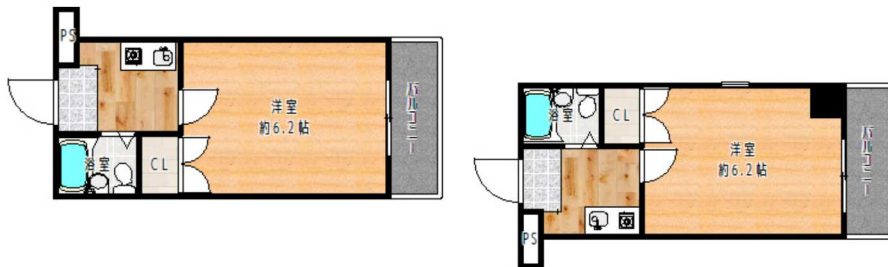
Thời gian đăng kí: Tại thời điểm nhập học.

Đã nộp : Miễn 33.000 yên phí nhập học, miễn 100.000 yên học phí.

VI Thông tin ký túc xá

Ký túc xá trường Nhật ngữ Sakura Kotonoha

Địa chỉ: 11-17-2 Kikawahigashi, Yodogawa-ku, Osaka Đến trường: 16 phút đi bộ. Ga gần nhất: Nishinakajima Minamikata 11 phút đi bộ



Chi tiết	Tiền nhà (mỗi tháng)	Phí đầu vào	Phí bảo lãnh	Tiền điện, nước	Tổng
1 người / phòng	40.000 yen	30.000 yen	20.000 yen	5.000 yen	95.000 yen
2 người / phòng	25.000 yen	30.000 yen	20.000 yen	5.000 yen	80.000 yen

Về tiền ký túc xá, ban đầu bạn sẽ phải sẽ phải thanh toán phí đầu vào, tiền đặt cọc, tiền điện nước và tiền thuê nhà trong 6 tháng, sau đó sẽ thanh toán 3 tháng một lần.

Các loại phí có thể thay đổi tùy tòa nhà. Việc chia phòng có thể không được đáp ứng theo yêu cầu của bạn.

• Phí thiết bị bao gồm; nhà bếp, vòi hoa sen, nhà vệ sinh, máy giặt, tủ lạnh, nồi cơm điện, lò vi sóng, AC, đồ dùng nhà bếp, Wi-Fi, bàn, ghế.

• Các bữa ăn không được cung cấp, vui lòng tự chuẩn bị.

※ Về nguyên tắc, phải ở tại một trong hai ký túc xá trên. Tiền nhà đã nộp về nguyên tắc không thể hoàn lại.

※ Ký túc xá mô tả như hình ảnh trên để dễ dàng hình dung, thực tế bạn có thể được chuyển đến một khu nhà khác với điều kiện tương tự

※ Phí cơ bản là 5.000 yên cho tiền nước và điện nước (bao gồm cả phí internet), và phần chênh lệch tiền internet, nước và điện nước sẽ được tính sau khi vào ký túc xá.

* Nếu việc nhập cảnh bị trì hoãn do các trường hợp không thể tránh khỏi như hạn chế nhập cư do nhà nước quyết định, các chi phí như phí ký túc xá đã đóng sẽ được tính vào tiền ký túc sau khi thực tế chuyển vào ký túc.